TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2017/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 26 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2017/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn M** - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện Y, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị **Lục Thị T** - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn M** - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện Y, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị **Lục Thị Trang** - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn M và chị Lục Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Lê Văn M và chị Lục Thị T thỏa thuận, thống nhất giao con chung Lê Quang L, sinh ngày 30/3/2009 cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn M không yêu cầu chị Lục Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lục Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về khoản vay, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.5. Về án phí: Anh Lê Văn M tự nguyện chịu toàn bộ 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05874 ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh M được trả lại 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- UBND xã V, huyện C;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận.
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Hiến Công Hanh